

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-12-2020

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Độ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Tuyết
2. Bà Bùi Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu – Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại Phòng xử án Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 770/2020/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 178/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/12/2020 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Hoàng Phương T, sinh năm 1995
ĐKHKT: Tổ 24, khu 3, phường H, thành phố H, Quảng Ninh.
Tạm trú: Tổ 47, khu 5, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.
Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

2- Bị đơn: Anh Vũ Trọng B, sinh năm 1994
ĐKHKT: Tổ 24, khu 3, phường H, TP H, Quảng Ninh.
Nơi ở hiện nay: Tổ 26, khu 3, phường H, thành phố H, Quảng Ninh
Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2020, Toà án thụ lý ngày 06/10/2020 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Hoàng Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Vũ Trọng B đăng ký kết hôn ngày 18/3/2015 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh trên cơ

sở tự nguyện, trước khi kết hôn chưa ai có vợ, có chồng, có thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm.

Sau khi kết hôn, chị và anh B chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh B nghiện ma túy, mãi chơi không quan tâm chăm sóc gia đình. Anh B nhiều lần có hành vi bạo lực với chị. Bản thân chị cũng đã cố gắng bỏ qua để vợ chồng cùng nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh B không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Khoảng tháng 5 năm 2020, chị T bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh B nhiều lần đe dọa sử dụng vũ lực với chị khiến chị hoang mang lo sợ. Vợ chồng sống ly thân với nhau tháng 5 năm 2020 đến nay.

Nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh Vũ Trọng B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết. Chị và anh B không vay nợ chung với cơ quan, cá nhân hay tổ chức nào.

Đối với bị đơn anh Vũ Trọng B: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quyết định hoãn phiên tòa bằng hình thức tổng đạt trực tiếp và qua đại diện tổ dân nơi anh B sinh sống và dịch vụ thừa phát lại, anh B đều biết nhưng không đến Tòa án để làm việc còn nhấn tin đe dọa chị T.

Ngày 02/11/2020, Tòa án đã tiến hành xác minh tại tổ dân khu phố nơi vợ chồng chị T và anh B sinh sống, đại diện tổ dân cho biết: chị Hoàng Phương T và anh Vũ Trọng B là vợ chồng. Khi còn chung sống, anh B và chị T sinh sống cùng nhà mẹ đẻ của anh B tại tổ 26, khu 3, phường H, thành phố H, Quảng Ninh. Thời gian gần đây chị T nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh B và có thông báo cho đại diện tổ dân phố được biết. Nguyên nhân dẫn đến việc chị T xin ly hôn là do anh B ham chơi, sa vào tệ nạn xã hội là sử dụng chất ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn của anh chị đã xảy ra một thời gian dài nên chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở phường Cao Thắng, thành phố H sinh sống, vợ chồng ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền và thụ lý vụ án; thực hiện đầy đủ các thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Về thành phần tham gia xét xử và việc tiến hành thủ tục tố tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình. Còn đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật về nghĩa vụ của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên chỉ Hoàng Phương T được ly hôn anh Vũ Trọng B.

Về con chung: Chị Hoàng Phương T và anh Vũ Trọng B không có con chung nên không đề cập

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, không vay nợ chung của cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào nên không đề cập.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và sự vắng mặt của bị đơn:

[1.1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – chị Hoàng Phương T khởi kiện về việc “Ly hôn” đối với bị đơn – anh Vũ Trọng B (Nơi cư trú: tổ 26, khu 3, phường Hà Trung, thành phố H, Quảng Ninh) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự do đó việc Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự

Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Hoàng Phương T tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, chị T đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, có mặt đầy đủ theo Giấy triệu tập của Tòa án. Tại phiên tòa ngày 10/12/2020, chị T có mặt, do anh Vũ Trọng B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa và thông báo thời gian mở lại phiên tòa là ngày 28/12/2020. Tuy nhiên, do bận công việc gia đình chị T đã làm đơn xin xét xử vắng mặt. Việc xét xử vắng mặt nguyên đơn Hoàng Thị T đã đảm bảo căn cứ được quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về sự vắng mặt của bị đơn anh Vũ Trọng B: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn theo quy định tại Chương X của Bộ luật Tố tụng dân sự như Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn – anh Vũ Trọng B bằng hình thức tổng đạt trực tiếp, tổng đạt thông qua dịch vụ thừa phát lại; tổng đạt thông qua đại diện tổ dân, khu phố nơi anh B sinh sống. Anh B biết nhưng không đến Tòa án để làm việc. Tại phiên tòa hôm nay, anh B vắng mặt lần thứ hai (không có lý do). Việc không đến Tòa án theo Giấy triệu tập và thông báo

thể hiện sự cố tình không chấp hành pháp luật của anh B. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn (anh B) không ảnh hưởng đến tính khách quan khi giải quyết vụ án, đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và các quy định khác có liên quan của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Phương T và anh Vũ Trọng B là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình hôn nhân của chị T và anh B không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát chủ yếu do anh B nghiện ma túy, không chịu tu chí làm ăn, trong cuộc sống gia đình không có sự quan tâm chăm sóc và tôn trọng lẫn nhau. Anh B nhiều lần sử dụng bạo lực với chị T. Chị T cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 5 năm 2020 đến nay, anh B còn đe dọa cuộc sống của chị làm chị T vô cùng hoang mang lo sợ. Nay, chị T xác nhận không còn tình cảm với anh B, không muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh B.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh tại tổ dân khu phố và được biết trong quá trình sinh sống tại địa phương anh B và chị T cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, anh B nghiện ma túy, nhiều lần đánh đập chị T dẫn đến việc chị T phải bỏ về gia đình mẹ đẻ của chị ở phường Cao Thắng sinh sống.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi giấy triệu tập, Thông báo hòa giải cho anh B mục đích hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh B vắng mặt không có lý do, việc vắng mặt của anh B thể hiện anh B không có thiện chí tham gia hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh B là có mâu thuẫn, những mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, vợ chồng đã ly thân và không còn chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình thấy đã đủ căn cứ cho ly hôn.

[3] Về con: Chị T xác nhận vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T xác nhận, chị và anh B không có tài sản chung; anh chị không nợ chung với cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Xét ý kiến của kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Dương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Vũ Trọng B.

2. Về con chung và tài sản chung: Không có

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0002670 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, Quảng Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND phường H, TP H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Độ

